

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ ECO WIND KỲ ANH

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

1.1.1. Tên dự án: Nhà máy điện gió Eco Wind Kỳ Anh.

1.1.2. Chủ dự án đầu tư

+ Tên chủ đầu tư dự án: Công ty Cổ phần Năng lượng VINENERGO.

+ Địa chỉ: Tòa văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi:

+ Dự án nhà máy điện gió EcoWind Kỳ Anh tại tỉnh Hà Tĩnh có quy mô 59 tuabin gió, bố trí dọc vùng biển ven bờ với diện tích khảo sát, lắp đặt và vận hành chiếm dụng mặt nước khoảng 1.260 ha; diện tích bố trí móng trụ và vùng an toàn xung quanh tuabin: khoảng 1.204ha; Hành lang kỹ thuật tuyến cáp ngầm đấu nối: khoảng 55,62 ha.

+ Diện tích sử dụng có thời hạn là 14,3, trong đó phần trạm biến áp 500kV và nhà QLVH là 5,4ha, tuyến cáp ngầm 66kV là 1,25ha, móng cột tuyến đường dây 500kV là 6,21ha.

- Quy mô:

- Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến:

+ Số lượng tua bin: 59.

+ Công suất tua bin: 5-8,5 MW.

- Phương án đấu nối vào hệ thống điện:

+ Xây dựng trạm nâng áp 66/500kV-2x300MVA gom công suất Nhà máy Điện gió Eco Wind Kỳ Anh.

+ Xây dựng đường dây 500kV mạch kép từ trạm nâng áp Nhà máy Điện gió Eco Wind Kỳ Anh đấu nối transit vào đường dây 500kV Hà Tĩnh - Vũng Áng (Chi tiết các thông số sẽ chuẩn xác tại giai đoạn sau của dự án).

Xây dựng các hạng mục phụ trợ phục vụ thi công vận hành.

- Công suất:

+ Công suất thiết kế: 498 MW.

+ Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: điện năng 1.322,4 GWh/năm.

+ Hệ số công suất (Cf): 30,3%.

1.3. Công nghệ sản xuất

- Máy phát được dùng để biến đổi cơ năng của rotor thành điện năng, thường phát dòng điện AC với hiệu điện thế 1,14kV.

- Máy biến thế trong trụ điện gió làm nhiệm vụ biến chuyển dòng điện với hiệu điện thế 1,14kV lên điện cao thế cao hơn là 66 kV.

- Xây dựng TBA 66/500kV, nâng áp từ 66kV lên 500kV.

- Xây dựng đường dây 500kV đấu nối vào đường dây 500kV.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

Xây dựng và lắp dựng 59 trụ tua bin gió với tổng công suất khoảng 498 MW tích hợp các trạm compact bên trong mỗi tuabin.

- Xây dựng móng máy biến áp, lắp đặt máy biến áp 2x300MVA, móng thiết bị, hệ thống mương cáp... trong phạm vi trạm biến áp 66/500kV.

- Xây dựng hệ thống cáp 66kV kết nối các tuabin gió và kết nối với trạm biến áp nâng áp 66/500kV.

- Xây dựng các hạng mục phụ trợ phục vụ thi công vận hành.

STT	Hạng mục	Quy cách	Số lượng
1	Tháp đỡ tuabin	105m	59 cái
2	Móng tuabin		59 cái
3	Tua bin gió		
3.1	Tua bin gió	6,0MW	58 cái
3.2.	Tua bia gió		01 cái
4	Khu trạm biến áp 66/500kV		
4.1	Máy biến áp nâng áp 366/500kV		
4.2	Nhà bay housing		01 nhà
4.3	Hệ thống mương cáp		Hệ thống
4.4	Móng thiết bị		
5	Hệ thống TTLL & SCADA		1 bộ
6	Trạm compact 0,72/66Kv	Khoảng	59 trạm

STT	Hạng mục	Quy cách	Số lượng
		7500kVA	
7	Cáp ngầm nội bộ 66kV		
8	Hệ thống điều khiển & bảo vệ		
9	Hệ thống đo đếm điện năng		

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo khoản 4, điều 25, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP: dự án thu hồi đất chuyên trồng lúa (LUC) đối với các vị trí móng cột của tuyến đường dây 500kV đấu nối từ TBA đến transit đường dây 500kV (qua địa phận các xã Cẩm Bình, Cẩm Xuyên, Cẩm Duệ).

- Khu vực dự án không có các yếu tố nhạy cảm khác như: không thuộc khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, thủy sản; không có di sản văn hóa vật thể, di sản thiên nhiên khác; không thuộc vùng đất ngập nước quan trọng; không yêu cầu di dân, tái định cư.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư:

- Địa điểm thực hiện nhà máy chính: xã Đồng Tiến, Yên Hòa, Thiên Cầm, Cẩm Trung, và Kỳ Xuân tỉnh Hà Tĩnh

Tổng diện tích trên biển khoảng 3.957 ha, tọa độ ranh giới khu vực được tổng hợp trong bảng sau:

TT	Vị trí	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30'; múi chiếu 3 độ		Hệ tọa độ WGS84		Khu vực
		X	Y	B-Lat(°)	L-Lon(°)	
1	V1	2028439,034	556670,058	18.33850063°	106.03803624°	I
2	V2	2026070,259	559074,827	18.31703267°	106.06071922°	
3	V3	2027640,802	560117,954	18.33119361°	106.07063372°	
4	V4	2027864,768	559688,764	18.33322929°	106.06657985°	
5	V5	2032549,642	555880,281	18.37566188°	106.03067745°	
6	V6	2032003,418	553844,019	18.37077936°	106.01139325°	
7	V7	2021710,839	563495,496	18.27751710°	106.10240243°	II
8	V8	2021006,277	569242,68	18.27097234°	106.15673379°	
9	V9	2019548,587	572016,23	18.25771015°	106.18291259°	
10	V10	2017383,478	575043,545	18.23804404°	106.21146086°	

TT	Vị trí	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30'; múi chiếu 3 độ		Hệ tọa độ WGS84		Khu vực
11	V11	2019307,814	576195,917	18.25538965°	106.22242888°	
12	V12	2024239,756	566678,221	18.30026900°	106.13258674°	
13	V13	2022201,748	563002,916	18.28196718°	106.09775891°	

Trong đó:

- Vị trí các tua bin gió, cáp 66kV ngầm đặt trên vùng biển gần bờ thuộc các xã Đồng Tiến, Yên Hòa, Thiên Cầm, Cẩm Trung, Kỳ Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

- Phần cáp 66kV đi trên đất thuộc địa bàn các xã Đồng Tiến, Yên Hòa, Thiên Cầm, tỉnh Hà Tĩnh.

- Phần đường dây 500kV thuộc các xã Yên Hòa, Cẩm Bình, Cẩm Xuyên, Cẩm Duệ; đầu nối với đường dây 500kV mạch 3 tại xã Cẩm Duệ, tỉnh Hà Tĩnh.

- Trạm biến áp 66/500kV và nhà quản lý vận hành thuộc địa bàn xã Yên Hòa, tỉnh Hà Tĩnh.

Tọa độ các vị trí đặt tua bin gió:

Điểm	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°		Hệ tọa độ WGS84	
	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)	B-Lat (°)	L-Lon (°)
TỌA ĐỘ TUABIN GIÓ ECO WIND KỲ ANH ZONE 1				
WT1	2017967.225	574506.800	18°14'36.01"N	106°12'23.07"E
WT2	2017914.989	575306.730	18°14'34.21"N	106°12'50.29"E
WT3	2018913.340	575599.548	18°15'6.60"N	106°13'12.64"E
WT4	2019414.052	575707.885	18°15'23.33"N	106°13'25.95"E
WT5	2019465.443	575261.024	18°15'24.65"N	106°12'48.94"E
WT6	2019466.708	574760.937	18°15'24.75"N	106°12'31.92"E
WT7	2019418.068	570418.086	18°15'23.18"N	106°11'2.36"E
WT8	2019320.119	573510.290	18°15'20.14"N	106°11'49.32"E
WT9	2020419.135	573963.330	18°15'53.10"N	106°12'6.99"E
WT10	2020370.546	574472.991	18°15'51.57"N	106°12'25.42"E
WT11	2020312.172	575283.048	18°15'49.44"N	106°12'54.47"E
WT12	2023033.727	575916.642	18°16'58.60"N	106°13'16.72"E
WT13	2023037.571	574987.697	18°16'58.72"N	106°12'49.83"E
WT14	2022077.312	574662.789	18°16'27.91"N	106°12'38.37"E
WT15	2021767.317	571406.022	18°16'17.00"N	106°10'58.63"E
WT16	2022128.244	570717.544	18°16'51.82"N	106°10'14.60"E

Điểm	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°		Hệ tọa độ WGS84	
	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)	B-Lat (°)	L-Lon (°)
WT17	2022429.829	570168.223	18°17'1.69"N	106°9'55.93"E
WT18	2022431.223	569668.113	18°17'1.80"N	106°9'36.94"E
WT19	2022432.519	569168.110	18°17'1.90"N	106°9'21.88"E
WT20	2022434.246	568587.979	18°17'2.03"N	106°8'58.82"E
WT21	2021587.400	567365.048	18°16'34.03"N	106°8'13.84"E
WT22	2021589.440	566615.321	18°16'34.77"N	106°7'54.86"E
WT23	2021591.508	565856.130	18°16'35.51"N	106°7'31.72"E
WT24	2021593.280	565215.070	18°16'35.05"N	106°7'7.18"E
WT25	2021595.292	564464.881	18°16'35.20"N	106°6'41.64"E
WT26	2021697.610	563615.078	18°16'38.22"N	106°6'12.94"E
WT27	2022199.337	563016.361	18°16'55.00"N	106°5'52.39"E
WT28	2022846.295	564168.251	18°17'15.92"N	106°6'31.68"E
WT29	2023414.706	564769.266	18°17'25.55"N	106°6'52.12"E
WT30	2023143.246	565319.351	18°17'15.45"N	106°7'10.91"E
WT31	2023141.851	565819.438	18°17'25.35"N	106°7'27.94"E
WT32	2023140.260	566419.543	18°17'25.23"N	106°7'48.37"E
WT33	2023138.894	566919.631	18°17'25.13"N	106°8'5.40"E
WT34	2023137.384	567479.728	18°17'24.92"N	106°8'24.15"E
WT35	2023135.734	568069.685	18°17'24.90"N	106°8'44.57"E
WT36	2023133.796	568769.962	18°17'24.76"N	106°9'8.41"E
WT37	2023891.347	569071.557	18°17'49.70"N	106°9'36.61"E
WT38	2024139.159	566872.383	18°17'57.67"N	106°8'3.91"E
TỌA ĐỘ TUABIN GIÓ ECO WIND KỲ ANH ZONE 2				
WT39	2026210.794	559126.591	18°19'51.88"N	106°3'40.37"E
WT40	2027658.437	560080.722	18°19'52.87"N	106°4'13.02"E
WT41	2027659.756	559580.653	18°19'52.97"N	106°3'56.31"E
WT42	2027661.690	558880.493	18°19'53.16"N	106°3'32.44"E
WT43	2027613.442	558230.271	18°19'51.50"N	106°3'9.99"E
WT44	2028267.266	557681.826	18°20'12.43"N	106°2'48.87"E
WT45	2028264.865	557183.921	18°20'12.31"N	106°2'31.36"E
WT46	2028611.445	555933.160	18°20'23.98"N	106°1'57.44"E
WT47	2029431.472	555833.243	18°20'51.03"N	106°1'54.36"E
WT48	2030115.014	557837.027	18°21'13.40"N	106°2'41.01"E

Điểm	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°		Hệ tọa độ WGS84	
	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)	B-Lat (°)	L-Lon (°)
WT49	2030116.389	557337.032	18°21'13.46"N	106°2'23.36"E
WT50	2030118.044	556786.380	18°21'13.54"N	106°2'3.53"E
WT51	2030119.697	556136.743	18°21'13.64"N	106°1'41.84"E
WT52	2030121.830	555568.581	18°21'13.76"N	106°1'21.83"E
WT53	2031418.216	556979.444	18°21'56.90"N	106°2'5.83"E
WT54	2032019.608	556292.011	18°22'11.64"N	106°1'42.41"E
WT55	2031921.866	555974.630	18°22'8.86"N	106°1'31.71"E
WT56	2031921.936	555641.770	18°22'8.91"N	106°1'19.75"E
WT57	2031924.637	554941.370	18°22'9.74"N	106°0'55.19"E
WT58	2031926.067	554392.540	18°22'10.54"N	106°0'35.98"E
WT59	2032520.807	555893.315	18°22'31.44"N	106°1'50.88"E

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư:

2.2.1. Tóm tắt các tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành

a. Nước thải

Hoạt động sinh hoạt của công nhân trong giai đoạn thi công với lưu lượng 8 m³/ngày. Thành phần nước thải sinh hoạt gồm nhiều chất lơ lửng, dầu mỡ, nồng độ chất hữu cơ cao, các chất cặn bã, các chất hữu cơ hòa tan (thông qua các chỉ tiêu BOD5, COD), các chất dinh dưỡng (Nitơ, Phốtpho) và vi sinh vật;

Hoạt động sinh hoạt của nhân viên trong giai đoạn vận hành khoảng 5 m³/ngày. Thành phần nước thải chứa nhiều chất lơ lửng, nồng độ chất hữu cơ cao, các chất cặn bã, các chất dinh dưỡng (Nitơ, Phốtpho) và vi sinh vật;

Hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị thi công với lưu lượng 6,3-10,5 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chính trong nước thải xây dựng là đất, cát, không có thành phần nguy hại.

b. Bụi, khí thải

Giai đoạn xây dựng: hoạt động của tàu vận chuyển gây phát thải khi vượt quy chuẩn.

Trong giai đoạn kết thúc và tháo dỡ dự án: Hoạt động của các thiết bị, máy móc phục vụ việc tháo dỡ. Việc đốt cháy nhiên liệu của động cơ sẽ thải ra môi trường một lượng khí thải chứa nhiều chất ô nhiễm: bụi và các chất khí SO₂, NO₂,

CO,... làm gia tăng nồng độ và thành phần các chất ô nhiễm trong môi trường không khí

c. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn: Hoạt động sinh hoạt của công nhân trong giai đoạn thi công làm phát sinh rác thải sinh hoạt 80 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn xây dựng dự án gồm: các loại nguyên vật liệu xây dựng phế thải, rơi vãi như sắt, thép vụn, gạch, đá, xi măng, ... Ước tính lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh tại các khu vực thi công như sau:

Khu vực thi công tua bin trên biển: 20-30 kg/ngày;

Khu vực thi công các hạng mục trên đất liền: 30-40 kg/ngày.

Chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn kết thúc và tháo dỡ dự án bao gồm: thiết bị máy móc, trụ tua bin, cánh quạt,... từ tháo dỡ hạng mục dự án, khối lượng phát sinh ước tính khoảng 5.110 tấn.

- Chất thải nguy hại

Chất thải rắn nguy hại phát sinh trong giai đoạn xây dựng gồm: giẻ lau dính dầu mỡ, bình chứa dầu, sơn, dung môi, que hàn, ... Khối lượng CTNH dự kiến phát sinh tại các khu vực thi công trên biển (thi công tua bin gió) khoảng 25 - 35 kg/tháng;

Chất thải rắn nguy hại phát sinh trong giai đoạn kết thúc và tháo dỡ dự án như sau: dầu nhớt rơi vãi, giẻ lau dính dầu 15 kg; dầu nhớt từ các phương tiện tháo dỡ 160 lít; bôi trơn bu lông 150 kg,...

2.2.2. Tóm tắt các tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành

Tiếng ồn và rung phát sinh trong giai đoạn xây dựng do hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công như: máy trộn bê tông, máy đầm, máy bơm,...;

Tiếng ồn và rung phát sinh trong giai đoạn xây dựng trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu.

Giai đoạn vận hành phát sinh không đáng kể.

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:

2.3.1. Mô tả các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

2.3.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

a. Nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt (sau xử lý sơ bộ tại bể tự hoại với nước thải từ hoạt động tắm giặt, vệ sinh và được tách dầu mỡ đối với nước thải khu bếp) được thu gom vào hầm chứa nước thải dung tích $9,6\text{m}^3$ tại khu vực nhà QLVH (nước đen và nước xám) trước khi đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

Quy trình:

Nước thải sinh hoạt → Xử lý sơ bộ (bể tự hoại, bể tách dầu mỡ) → Hầm chứa nước thải → Đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

* Nước thải thi công:

Nước thải thi công từ hoạt động bảo dưỡng, vệ sinh máy móc trên sa lãn được thu gom, xử lý tại bể lắng (dung tích khoảng $1,2\text{m}^3$) tại khu vực sa lãn. Nước sau lắng cặn và tách dầu được tái sử dụng rửa, vệ sinh máy móc trên sa lãn; phần dầu được thu gom, lưu giữ cùng chất thải nguy hại; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Nước thải hồ móng được thu gom, xử lý tại 01 bể lắng dung tích $2,0\text{m}^3$ /bể lắng) tại khu quản lý vận hành. Nước thải sau lắng cặn được sử dụng tưới đường đập bụi trong thời gian thi công. Bùn, cặn, dầu mỡ lắng được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Nước thải từ hoạt động rửa xe, bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị, công cụ, xử lý tại 01 bể lắng (dung tích bể $2,6\text{m}^3$) thu gom và xử lý lắng. Nước sau lắng cặn được tái sử dụng tưới đường, phần cặn và tạp chất lắng được thu gom, lưu giữ cùng chất thải nguy hại, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b. Bụi, khí thải

* Giảm thiểu tác động của bụi, khí thải trong giai đoạn xây dựng:

- Các phương tiện vận tải, các máy móc, thiết bị sử dụng cần phải có giấy phép hoạt động của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

- Bảo quản, che chắn nguyên vật liệu trong quá trình thi công.

* Giảm thiểu tác động của bụi, khí thải trong giai đoạn kết thúc và tháo dỡ dự án:

- Áp dụng các biện pháp tháo dỡ tiên tiến, cơ giới hoá tới mức tối đa, sử dụng các máy móc hiện đại và hiệu suất sử dụng nhiên liệu cao nhằm hạn chế phát tán bụi và khí thải.

- Yêu cầu công nhân kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị trước khi tháo dỡ nhằm nâng cao tuổi thọ cũng như tăng hiệu suất sử dụng nhiên liệu và giảm phát thải khí.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại dự án.

c. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

* Giảm thiểu chất thải rắn xây dựng trong giai đoạn xây dựng dự án:

- Không xả chất thải rắn xây dựng phát sinh ra khu vực xung quanh, hàng ngày tiến hành thu gom và tập trung tại vị trí quy định.

- Sắt, thép vụn, ... thu gom, tập kết tại công trường và hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

*** Chất thải rắn sinh hoạt**

Tại công trường bố trí 8 thùng đựng rác (thể tích 60 lít/thùng).

Hàng ngày, đơn vị thi công thu gom rác tại các vị trí đặt thùng rác trong công trường và chứa vào thùng chứa loại 240 lít (02 thùng) tập trung tại khu vực gần cổng ra vào công trường.

*** Chất thải nguy hại**

Công trường thi công sẽ được trang bị thùng 2000 lít để chứa chất thải nguy hại. Thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn và đặt tại vị trí an toàn tại công trường;

Chủ dự án và nhà thầu thi công sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải nguy hại (định kỳ 6 tháng/lần và sau khi kết thúc thi công).

Quá trình thu gom, lưu trữ, vận chuyển và xử lý đều tuân theo quy chế quản lý chất thải nguy hại trong Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, tại Mục 4: quản lý chất thải nguy hại.

Giảm thiểu chất thải nguy hại trong giai đoạn vận hành dự án:

Đối với dầu tràn khi xảy ra sự cố sẽ được thu gom về bể dầu sự cố (dung tích 35m³) bằng hố thu dầu và ống thép.

Bóng đèn thải, pin thải, giẻ lau dính dầu, ... được thu gom, lưu trữ vào thùng chứa có dán nhãn, có nắp đậy, ghi chú loại chất thải nguy hại và đặt tại phòng chứa chất thải nguy hại (diện tích 12m³).

Hợp đồng với đơn vị có chức năng đã được cấp giấy phép vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại đến vận chuyển và xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Hợp đồng với đội thu gom rác của địa phương để định kỳ thu gom toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt phát sinh để vận chuyển đi xử lý. Tần suất thu gom là 2 ngày/lần.

Giảm thiểu chất thải rắn sản xuất trong giai đoạn vận hành dự án: tất cả thiết bị máy móc hư hỏng (dây điện, bát sứ, phụ kiện, ...) đều được Đơn vị quản lý vận hành dự án thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

Giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn vận hành dự án: Bố trí 8 thùng rác (thể tích 10 lít/thùng) trong các khu vực làm việc như nhà điều khiển

trạm biến áp, nhà điều hành, nhà vệ sinh,... và bố trí 3 thùng rác (thể tích 10 lít/thùng) tại các khu vực ngoài trời.

Hàng ngày, nhân viên thu gom các thùng rác 10 lít và chứa vào thùng chứa loại 240 lít (dự kiến 02 thùng) tập trung tại khu vực cổng ra vào.

Dự án hợp đồng với đội thu gom rác của địa phương để định kỳ thu gom toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt phát sinh để vận chuyển đi xử lý. Tần suất thu gom là 2 ngày/lần.

Chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn kết thúc và tháo dỡ dự án: bố trí 04 thùng rác (thể tích 240 lít/thùng) tại khu vực tháo dỡ tua bin để chứa rác thải, được xử lý theo như sau:

Chất thải rắn trong quá trình tháo dỡ dự án: trụ tua bin, cánh quạt sẽ chuyển giao cho nhà sản xuất; xà bần, thiết bị,... hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

2.3.2. Mô tả các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động không liên đến chất thải

2.3.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Tất cả các hoạt động xây dựng được tiến hành vào ban ngày, nếu muốn xây dựng vào ban đêm, Chủ dự án thông báo trước và có sự đồng ý của người dân địa phương bị ảnh hưởng. Hoạt động đào đất, vận chuyển thiết bị điện, vật liệu xây dựng được tiến hành vào thời điểm phù hợp.

2.3.2.2. Giai đoạn vận hành

- Sử dụng các vật liệu cách âm để bao che động cơ.
- Trang bị bảo hộ lao động và thiết bị giảm âm cho công nhân sửa chữa, bảo trì tua bin.
- Thường xuyên giám sát, định kỳ bảo trì, bảo dưỡng hộp số của tua bin, định kỳ thay dầu hộp số.
- Giảm thiểu tác động do tiếng ồn trong giai đoạn kết thúc và tháo dỡ dự án:
- Hoạt động tháo dỡ tránh thời gian nghỉ ngơi của người dân.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc ở nơi có cường độ ồn cao.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

2.4.1. Tóm tắt chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

2.4.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đào tạo, nâng cao năng lực quản lý môi trường cho công nhân viên.
- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường.
- Xây dựng hệ thống báo cáo môi trường đến các cấp tương ứng.

* Giám sát chất thải rắn:

- Vị trí giám sát: khu vực thi công tua bin trên biển.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần
- Nội dung giám sát: giám sát khối lượng phát sinh hàng tháng, biện pháp và tần suất thu gom, công tác lưu trữ và bàn giao xử lý chất thải rắn thông thường và CTNH..

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng về quản lý chất thải rắn xây dựng.

* Giám sát chất lượng nước biển

- Chỉ tiêu giám sát: pH, amoni, photphat, cadimi, chì, sắt, tổng phenol, tổng dầu, Coliform.
- Vị trí giám sát: khu vực thi công thi công tua bin trên biển.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy định tuân theo QCVN 10-MT:2015/BTNMT, bảng 1, cột 3 (các nơi khác)

2.4.1.2. Giai đoạn vận hành

* Giám sát chất thải rắn:

- Vị trí giám sát: khu vực nhà điều hành, trạm biến áp.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần
- Nội dung giám sát: giám sát khối lượng phát sinh hàng tháng, biện pháp và tần suất thu gom, công tác lưu trữ và bàn giao xử lý chất thải rắn thông thường và CTNH.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng về quản lý chất thải rắn xây dựng.

2.4.2. Tóm tắt phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành:

Không có.

3. Cam kết của Chủ dự án

- Cam kết thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn dự án đi vào hoạt động.

- Cam kết thực hiện trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Cam kết áp dụng các giải pháp kỹ thuật, sử dụng các phương tiện, thiết bị thi công phù hợp để giảm thiểu tối đa những tác động ảnh hưởng đến môi trường và đời sống, sinh hoạt của khu dân cư xung quanh.

- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố và rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án./.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG



NGUYỄN THANH THÚY